TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Văn Sỹ- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 939/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Mai Văn C, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị T trình bày: chị và anh C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào giữa năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu; sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà của cha, mẹ anh C cho đến đầu năm 2014 thì vợ chồng về sống chung với cha, mẹ chị T tại ấp Đá Hàng, xã Thạnh Đức đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nên ly thân cho đến nay. Nguyên

nhân do anh C ham chơi bài bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay chị yêu cầu ly hôn, con chung cháu Mai Đỗ T Thi, sinh ngày 01-4-2014 và cháu Mai Nhật Toàn, sinh ngày 07-3-2017 chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi người một triệu); tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03-5-2019 bị đơn anh C trình bày về ngày tháng năm chung sống, về con chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn phù hợp với lời trình bày của chị T. Chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý; về con chung anh đồng ý giao chị T tiếp tục nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương thực hiện đúng theo trình t ự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Chị T và anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: chị T và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống anh C ham chơi cờ bạc, quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho chị T và anh C y hôn.

+ Về con chung: cháu Mai Đỗ T Thi, sinh ngày 01-4-2014 và cháu Mai Nhật Toàn, sinh ngày 07-3-2017 đang sống chung với chị T từ khi ly thân đến nay, hiện tại các cháu phát triển bình thường về tâm sinh lý, anh C đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi. Đề nghị giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chị T yêu cầu mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi người một triệu) là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị T và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật thừa nhận hôn nhân hợp pháp; trong quá trình chung sống anh C ham chơi cờ bạc không lo kinh tế của gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ cuối năm 2018; từ khi sống ly thân cho đến nay mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không có thiện chí hàn gắn. Như vậy có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T và anh C ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: trong quá trình lấy lời khai chị T và anh C thừa nhận cháu Mai Đỗ T Thi, sinh ngày 01-4-2014 và cháu Mai Nhật Toàn, sinh ngày 07-3-2017 là con chung của chị T và anh C. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi người 1.000.000 đồng), anh C đồng ý. Xét thấy từ khi chị T và anh C sống ly thân cho đến nay, hai cháu do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường về mọi mặt, chị T có việc làm và thu nhập ổn định. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi, đồng thời buộc anh C phải có nghĩa vụ ấp dưỡng nuôi con là có căn cứ theo Điều 81, 82, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh C không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Đỗ Thu Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, anh Mai Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5,6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Thu T ly hôn với anh Mai Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Đỗ T Thi, sinh ngày 01-4-2014 và cháu Mai Nhật Toàn, sinh ngày 07-3-2017 cho chị Đỗ Thị Thu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Mai Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con hằng tháng, mỗi tháng một người là 1.000.000 (Một

triệu) đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Mai Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thi Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0008598 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (chị T đã nộp xong).

Anh Mai Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Đỗ Thị Thu T, anh Mai Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng